**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI II**

**Phụ lục 1**

**MÔN HỌC:KHTN. LỚP 9 NĂM HỌC 2024 – 2025**

*(Kèm theo Công văn số 1188/SGDĐT-GDTrH&TX ngày 18/8/2023, của Sở GDĐT)*

**- Thời điểm kiểm tra**:Kiểm tra cuối kì II ; Khi kết thúc nội dung: Bài 51. Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất

**- Thời gian làm bài**: 90 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 60% trắc nghiệm; 40 % tự luận).

**- Cấu trúc[[1]](#footnote-1)**

+ Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng;10 % Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 6.0 điểm (gồm 24 câu hỏi: Nhận biết: 16 câu; Thông hiểu:8 câu); mỗi câu: 0,25 điểm.

+ Phần tự luận: 4.0 điểm (gồm 3câu hỏi: Hiểu: 1 câu : 1 điểm Vận dụng: 2 câu; 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 câu; 1,0 điểm).

\* **Nếu là đề kiểm tra cuối kì bổ sung**:Tỉ lệ % số điểm đối với nội dung nửa đầu học kì và nội dung nửa sau học kì.

| Chủ đề/kĩ năng[[2]](#footnote-2) | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ | Tổng số câu | Điểm số |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* |
| Nửa HKII ( 3,0 điểm) |
| Chủ đề 7: Giới thiệu về chất hữu cơ, hydrocacbon và nguồn nguyên liệu ( 3 tiết)  | - Alkene- Nguồn nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *0,25* |
| Chủ đề 8: Ethylic Alcohol và Acetic acid ( 6 tiết)  | - Ethylic elcohol- Acetic acid |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 0,75 |
| Chủ đề 9: Lipid, carbohydrate, protein, polymer ( 12 tiết )  | - Lipid- Carbohydrate. Glucose và saccharose- Tinh bột và cellulose- Protein- Polymer |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,25 |
| Chủ đề 10: Khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất (6 tiết)  | - Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất- Khai thác đá vôi. Công nghiệp silicate- Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon, chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 0,5 |
| Chủ đề 11: Di truyền học của Menden, cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền ( 2 tiết)  | - Khái quát về di truyền học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 0,25 |
| Nửa cuối HKII ( 7 ,0 điểm) |
| Chủ đề 11: Di truyền học của Menden, cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền ( 11 tiết) | - Các quy luật di truyền của Mendel- Nucleic acid và gene- Tái bản DNA và phiên mã RNA- Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến tính trạng- Đột biến gene |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2,25 |
| Chủ đề 12: Di truyền nhiễm sắc thể ( 10 tiết )  | - Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể- Nguyên phân và giảm phân- Nhiễm sắc thể giới tính và cơ chế xác định giới tính- Di truyền liên kết- Đột biến nhiễm sắc thể |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2,0 |
| Chủ đề 13: Di truyền học với con người và đời sống ( 5 tiết)  | - Di truyền học với con người-Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |
| Chủ đề 14: Tiến hóa( 9 tiết) | - Khái niệm tiến hóa và các hình thức chọn lọc- Cơ chế tiến hóa- Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,75 |
| Tổng số câu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng điểm số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tỉ lệ % |  | 40% | 30% | 20% | 10% | 60% | 40% |  |
| Tổng hợp chung |  | 4,0 điểm | 3,0 điểm | 2,0 điểm | 1,0 điểm | 10 điểm | 10 điểm |

\* Kiểm tra giữa kì 1 (thang điểm là 10; tổng số tiết tính đến thời điểm kiểm tra là 38): 

|  |
| --- |
| Nữa đầu HKII ( 3,0 điểm) |
| Chủ đề | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | Tổng |
| Số tiết | 3 | 6 | 12 | 6 | 2 | 29 |
| Điểm | 0,310 | 0,620 | 1,242 | 0,620 | 0,206 | 3,0 |
| Điểm làm tròn | 0,25 | 0,75 | 1,25 | 0,5 | 0,25 | 3,0 |
| Nữa cuối HKII ( 7,0 điểm) |
| Chủ đề | 11 | 12 | 13 | 14 | Tổng |
| Số tiết | 11 | 10 | 5 | 9 | 35 |
| Điểm | 2,2 | 2,0 | 1,0 | 1,8 | 7,0 |
| Điểm làm tròn | 2,25 | 2,0 | 1,0 | 1,75 | 7,0 |

1. Ưu tiên câu hỏi ở mức độ nhận biết; mức độ thông hiểu là câu hỏi trắc nghiệm và các câu hỏi ở mức độ vận dụng; vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi tên chủ đề/kĩ năng đã dạy theo kế hoạch giáo dục tính đến thời điểm kiểm tra.

- Đối với môn Ngữ văn là kĩ năng (Đọc hiểu và Viết).

- Đối với môn Tiếng Anh là kĩ năng (Listening; Language; Reading; Writing và cuối kì có thêm kĩ năng Speaking và tỉ lệ giữa câu trắc nghiệm và câu tự luận có thể điều chỉnh theo điều kiện thực tế và theo dạng câu hỏi của từng kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ). [↑](#footnote-ref-2)